

QUẢN LÝ RỦI RO TRONG THỦ TỤC HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG GIA CÔNG XUẤT KHẨU TẠI CỤC HẢI QUAN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Nguyễn Ngọc Minh^{1*} và Lê Thị Kiều Loan²

¹Trường Đại học Tây Đô, ²Cục Hải quan TP. Cần Thơ
(Email: loanhqct@gmail.com)

Ngày nhận: 10/7/2019

Ngày phản biện: 17/7/2019

Ngày duyệt đăng: 31/7/2019

TÓM TẮT

Nghiên cứu được thực hiện với mục tiêu đánh giá thực trạng của việc áp dụng phương pháp quản lý rủi ro (QLRR) trong thủ tục Hải quan (TTHQ) đối với hàng gia công xuất khẩu (GCXK) tại Cục Hải quan TP. Cần Thơ; Phân tích, so sánh sự khác biệt trong công tác QLRR đối với nhóm doanh nghiệp tuân thủ và nhóm doanh nghiệp không tuân thủ khi thực hiện TTHQ đối với hàng GCXK tại Cục Hải quan TP. Cần Thơ và đề xuất một số giải pháp để hoàn thiện quy trình QLRR đối với hàng GCXK tại Cục Hải quan TP. Cần Thơ. Hiện nay ngành Hải quan đang áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật như: Luật Hải quan sửa đổi, bổ sung chính thức có hiệu lực từ ngày 01/01/2015, Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ, Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ, Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính, Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính và Quyết định số 1966/QĐ-TCHQ ngày 10/7/2015 của Tổng cục Hải quan được ban hành quy định chi tiết về TTHQ, kiểm tra giám sát, kiểm soát Hải quan. Nghiên cứu đã đề xuất năm giải pháp theo hướng đơn giản hóa TTHQ, chuyên nghiệp hơn trong việc áp dụng phương pháp QLRR, tạo thuận lợi hơn cho doanh nghiệp trong thủ tục hải quan đối với hàng GCXK.

Từ khóa: Cục Hải quan TP. Cần Thơ, quản lý rủi ro, hàng gia công xuất khẩu.

Trích dẫn: Nguyễn Ngọc Minh và Lê Thị Kiều Loan, 2019. Quản lý rủi ro trong thủ tục hải quan đối với hàng gia công xuất khẩu tại Cục Hải quan Thành phố Cần Thơ. Tạp chí Nghiên cứu khoa học và Phát triển kinh tế Trường Đại học Tây Đô. 07: 28-42.

*TS. Nguyễn Ngọc Minh – Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Tây Đô

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong xu thế phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế, quản lý nhà nước về Hải quan là một trong những lĩnh vực quan trọng, có ảnh hưởng sâu sắc đến tiến trình hội nhập. Ngành Hải quan đã và đang thực hiện những nhiệm vụ quan trọng nhằm góp phần tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại, thu hút đầu tư nước ngoài, đảm bảo nguồn thu cho ngân sách, bảo vệ lợi ích chủ quyền, an ninh quốc gia. Quản lý rủi ro chính là công cụ giúp cơ quan hải quan giải quyết những vấn đề đó bằng việc áp dụng một cách có hệ thống các quy trình, biện pháp nhằm hướng các nguồn lực vào các lĩnh vực có nguy cơ ảnh hưởng đến các mục tiêu đề ra qua đó hỗ trợ tối đa tính hiệu quả, hiệu lực của công tác quản lý. Rủi ro cũng được xác định là “Nguy cơ tiềm ẩn việc không tuân thủ pháp luật về hải quan trong thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hoá, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải”.

Hiện nay ngành Hải quan đã ban hành kế hoạch cải cách, hiện đại hóa Hải quan Việt Nam đến năm 2020 và đã góp phần quan trọng trong việc thực hiện chiến lược hướng về xuất khẩu nhằm tạo ra những ưu thế cạnh tranh quốc gia trong tiến trình hội nhập quốc tế. Trong đó có nhiều mặt hàng GCXK của Việt Nam đã tạo được uy tín cao với các đối tác nước ngoài đặc biệt là mặt hàng giày da, may mặc và thủy sản. Hiện nay, các doanh nghiệp Việt Nam đã từng bước tiếp cận được trình độ quản lý tiên tiến của các nước trong khu vực và trên thế giới và góp phần giải quyết được một số lượng

lớn công ăn việc làm cho người lao động, đồng thời từng bước nâng cao kỹ năng lao động. Bên cạnh đó Nhà nước cũng quan tâm ưu đãi về nhiều mặt đối với hoạt động GCXK và cũng chính vì vậy mà một số doanh nghiệp lợi dụng chính sách thông thoáng để buôn lậu, gian lận thương mại nhằm thu lợi bất chính, gây thất thu lớn cho ngân sách Nhà nước mà còn tạo nên sự cạnh tranh thiếu lành mạnh giữa các doanh nghiệp.

Mục tiêu nghiên cứu nhằm đánh giá thực trạng của việc thực hiện quy trình QLRR trong TTHQ đối với hàng GCXK tại Cục Hải quan TP.Cần Thơ; phân tích, so sánh sự khác biệt trong công tác quản lý rủi ro đối với nhóm doanh nghiệp tuân thủ và nhóm doanh nghiệp không tuân thủ khi thực hiện TTHQ đối với hàng GCXK tại Cục Hải quan TP.Cần Thơ và đề xuất một số giải pháp để hoàn thiện quy trình QLRR đối với hàng GCXK tại Cục Hải quan TP. Cần Thơ.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp thu thập số liệu: Số liệu thứ cấp được thu thập từ các báo cáo của Ngành Hải quan, các báo cáo hàng năm Cục Hải quan TP. Cần Thơ, các tạp chí Nghiên cứu Hải quan và số liệu được kết xuất từ hệ thống cơ sở dữ liệu tập trung của Ngành Hải quan (như Chương trình thống kê Vnaccs, chương trình Quản lý rủi ro của Ngành).

Phương pháp phân tích số liệu:

- Sử dụng phương pháp thống kê mô tả để phân tích thực trạng của việc thực hiện quy trình QLRR trong TTHQ đối với

hàng GCXK tại Cục Hải quan TP. Cần Thơ.

- Sử dụng phương pháp nghiên cứu điển hình đối với 2 nhóm doanh nghiệp gồm: nhóm doanh nghiệp tuân thủ và nhóm doanh nghiệp không tuân thủ việc thực hiện TTHQ đối với hàng GCXK tại Cục Hải quan TP. Cần Thơ để phân tích, so sánh sự khác biệt trong việc tuân thủ các quy định pháp luật ngành Hải quan và công tác quản lý rủi ro đối với 2 nhóm doanh nghiệp này. Đồng thời sử dụng phương pháp phỏng vấn chuyên gia về công tác quản lý rủi ro đối với hàng gia công xuất khẩu tại Cục Hải quan TP. Cần Thơ sau đó tổng hợp, phân tích và đề xuất các giải pháp, khắc phục những vướng mắc đang tồn tại.

- Sử dụng phương pháp phân tích tổng hợp, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác QLRR đối với hàng GCXK tại Cục Hải quan TP. Cần Thơ.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Phân tích và đánh giá chung

Bảng 1. Diễn tiến kim ngạch XNK và số thu nộp NSNN tại Cục Hải quan TP. Cần Thơ từ năm 2015-2018 (Số liệu đến hết ngày 31/12/2018)

Năm	Kim ngạch XNK (triệu USD)	Số doanh nghiệp làm TTHQ	Chỉ tiêu thu thuế XNK (tỷ đồng)	Thu nộp NSNN (tỷ đồng)	Tỷ lệ thu (%)
2015	3.230,14	177	2.350	3.234,78	137,65
2016	3.383,77	214	1.800	1.843,87	102,84
2017	4.971,00	251	2.665	2.881,07	108,11
2018	4.665,63	232	3.260	3.623,10	111,14

(Nguồn: Cục Hải quan TP. Cần Thơ)

3.1.1. Nhận thức của công chức Hải quan

Cục Hải quan TP. Cần Thơ luôn coi trọng công tác QLRR, xem đây là trụ cột chính trong việc áp dụng thông quan điện tử nên đã triển khai đồng bộ các giải pháp từ công tác đào tạo, bồi dưỡng theo hướng chuyên sâu cho CBCC của Cục đến Chi cục. Phương pháp QLRR ở từng mức độ khác nhau, đã thâm nhập vào hầu hết các hoạt động nghiệp vụ; Về cơ bản, khái niệm, nội dung phương pháp QLRR đã được nhận biết trong hầu hết cán bộ, công chức đơn vị. Kết quả triển khai đã góp phần tạo ra những chuyển đổi căn bản trong phương thức quản lý mới thay thế cho phương pháp quản lý truyền thống và đẩy mạnh tự động hóa Hải quan.

3.1.2. Số lượng doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất nhập khẩu

Phân tích số liệu tổng hợp từ các báo cáo từng năm của Cục Hải quan TP. Cần Thơ:

Theo số liệu thống kê, kim ngạch XNK của Cục Hải quan TP Cần Thơ năm 2015 đạt 3.230,14 triệu USD, tăng 1,71% so với cùng kỳ năm 2014. Năm 2016 đạt 3.383,77 triệu USD, tăng 5,35% so với cùng kỳ năm 2015. Năm 2017 đạt 4.971,00 triệu USD, tăng 48,78% so với cùng kỳ năm 2016. Năm 2018 đạt 4.665,63 triệu USD, giảm 6,15% so với cùng kỳ năm 2017.

3.1.3. Giảm tỷ lệ kiểm tra, khuyến khích DN tuân thủ các quy định của PLHQ

Theo số liệu thống kê ở Bảng 2 cho thấy trong năm 2015 có tổng số 49.070 tờ khai với tỷ lệ phân luồng là: Xanh (56,76%), Vàng (39,86%) và Đỏ (3,38%); đến năm 2018 tổng số 102.923 tờ khai có tỷ lệ phân luồng tương ứng là Xanh (74,69%); Vàng (21,19%), Đỏ (4,21%). Như vậy, tỷ lệ kiểm tra hàng hoá thực tế tại các Chi cục tăng từ 3,38% (năm 2015) lên 4,21% (năm 2018), tăng 0,83% do doanh nghiệp mới thành lập, doanh nghiệp sai phạm tăng.

Bảng 2. Tình hình phân luồng tờ khai XNK của Cục Hải quan TP. Cần Thơ giai đoạn 2015-2018 (Số liệu đến ngày 31/12/2018)

Năm	Tổng số lượng Tờ khai	Tổng số tờ khai toàn Cục					
		Luồng xanh		Luồng Vàng		Luồng Đỏ	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
2015	49.070	27.852	56,76	19.561	39,86	1.657	3,38
2016	62.093	49.258	79,33	11.004	17,72	1.831	2,95
2017	78.902	59.208	75,04	16.367	20,74	3.327	4,22
2018	102.923	76.874	74,69	21.806	21,19	4.243	4,21

(Nguồn: Cục Hải quan TP. Cần Thơ)

3.1.4. Nâng cao nhận thức, tính tuân thủ của doanh nghiệp

Theo chỉ đạo của Tổng Cục Hải quan, đồng thời nhận định được tầm quan trọng của việc thu thập thông tin hồ sơ doanh nghiệp nhằm phục vụ cho việc đánh giá tuân thủ, xếp hạng doanh nghiệp, đơn vị luôn chú trọng đến công tác thu thập thông tin, xác định doanh nghiệp trọng điểm, cập nhật hồ sơ doanh nghiệp kịp thời, đầy đủ cả về tiêu chí và số lượng được giao. Ngoài ra, Cục Hải quan TP

Cần Thơ rất chú trọng đến công tác tuyên truyền, cung cấp thông tin liên quan đến việc đánh giá tuân thủ pháp luật, hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật, từ đó, đã chủ động, tích cực trong cung cấp thông tin hồ sơ, thông tin bổ sung; nâng cao tính tự tuân thủ, sử dụng dịch vụ tuân thủ.

3.2. Thực trạng và những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

3.2.1. Thực trạng

3.2.1.1. Đánh giá việc thực hiện các khâu trong quy trình quản lý rủi ro trong thủ tục hải quan

Kiểm tra Hải quan được thực hiện trên cơ sở thu thập, xử lý thông tin, đánh giá việc chấp hành pháp luật của chủ hàng, mức độ rủi ro về vi phạm pháp luật Hải quan để bảo đảm quản lý Nhà nước về Hải quan và không gây khó khăn cho hoạt động xuất nhập khẩu.

Công tác thu thập, xử lý thông tin quản lý rủi ro đóng vai trò hết sức quan trọng trong quản lý hải quan hiện đại, là yếu tố quyết định cho áp dụng tự động hóa hải quan, là cơ sở cho việc áp dụng các kỹ thuật QLRR, là căn cứ cho việc đưa ra các quyết định quản lý của cơ quan hải quan. Tuy vậy, thời gian qua công tác này còn những hạn chế, bất cập, ảnh hưởng đến việc triển khai TTHQ điện tử cũng như tiến trình cải cách, hiện đại hóa của ngành.

Công tác thu thập, xử lý thông tin đang bị phân tán, chồng chéo: hiện nay đang tồn tại 3 hệ thống dọc thực hiện nhiệm vụ chuyên trách về thu thập, xử lý thông tin; các biện pháp thực hiện thiếu tính chuyên sâu; thông tin thiếu sự liên thông, chia sẻ. Hệ thống thông tin, dữ liệu còn phân dẫn đến việc xử lý dữ liệu không đảm bảo thời gian thực hiện, kết quả xử lý còn thiếu tính thống nhất, đôi khi thiếu chính xác.

3.2.1.2. Kết quả nghiên cứu điển hình nhóm doanh nghiệp có tuân thủ

Có sự khác biệt trong công tác quản lý rủi ro đối với nhóm doanh nghiệp tuân thủ và nhóm doanh nghiệp không tuân

thủ khi thực hiện TTHQ đối với hàng GCXK.

Doanh nghiệp tuân thủ sẽ được hưởng những lợi ích cơ bản sau:

+ *Được áp dụng hình thức phân luồng kiểm tra và tỷ lệ kiểm tra thấp hơn doanh nghiệp không tuân thủ:*

- Kiểm tra hồ sơ: Với doanh nghiệp tuân thủ lựa chọn không quá 5% trên tổng tờ khai HQ hàng hóa XNK. Đối với doanh nghiệp không tuân thủ lựa chọn kiểm tra trực tiếp hồ sơ không quá 50% trên tổng tờ khai HQ hàng hóa XNK.

- Kiểm tra thực tế hàng hóa: Cơ quan Hải quan thực hiện lựa chọn không quá 1% trên tổng số tờ khai Hải quan hàng hóa XNK. Đối với doanh nghiệp không tuân thủ lựa chọn kiểm tra thực tế hàng hóa tối thiểu 20% trên tổng tờ khai HQ hàng hóa XNK.

+ *Kiểm tra hàng hóa xuất khẩu sau khi đã thông quan được tập kết tại các địa điểm trong khu vực cửa khẩu xuất:* Cơ quan Hải quan sẽ tập trung nguồn lực để kiểm tra đối với doanh nghiệp không tuân thủ.

+ *Kiểm tra sau thông quan đối với doanh nghiệp tuân thủ:* Cơ quan Hải quan chỉ thực hiện kiểm tra sau thông quan đối với doanh nghiệp tuân thủ theo kế hoạch hàng năm với tỷ lệ thấp không quá 5%. Nhưng cơ quan Hải quan sẽ tập trung nguồn lực để tiến hành kiểm tra sau thông quan các doanh nghiệp theo dấu hiệu vi phạm và kiểm tra theo QLRR.

+ *Doanh nghiệp tuân thủ được giảm tỷ lệ kiểm tra cơ sở gia công, sản xuất hàng hóa XK; năng lực gia công, sản xuất.*

+ *Doanh nghiệp tuân thủ được giảm tỷ lệ kiểm tra tình hình sử dụng và tồn kho nguyên liệu, vật tư, MMTB.*

+ *Doanh nghiệp tuân thủ được giảm tỷ lệ kiểm tra việc quyết toán, quản lý, sử dụng nguyên liệu, vật tư của tổ chức, cá nhân NK nguyên liệu, vật tư để sản xuất, gia công hàng hóa XNK.*

+ *Áp dụng thời hạn nộp thuế 275 ngày hàng hóa nhập khẩu là nguyên liệu, vật tư để sản xuất hàng xuất khẩu.*

+ *Cho phép bảo lãnh số tiền thuế phải nộp.*

+ *Cho phép đưa về bảo quản hàng hóa nhập khẩu.*

+ *Doanh nghiệp tuân thủ được hưởng lợi trong hoàn thuế:*

+ *Đối tượng trọng điểm cơ quan Hải quan giám sát tiêu hủy là doanh nghiệp không tuân thủ.*

+ *Doanh nghiệp tuân thủ là điều kiện cần để xem xét, công nhận doanh nghiệp ưu tiên.*

a. Quá trình thực hiện phương pháp quản lý rủi ro

Phương pháp quản lý rủi ro được quy định tại điểm 1a, khoản 1, Điều 15 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Hải quan (có hiệu lực từ ngày 01/01/2006) quy định: “Kiểm tra Hải quan được thực hiện trên cơ sở phân tích thông tin, đánh giá việc chấp hành pháp luật của chủ hàng, mức độ rủi ro về vi phạm pháp luật Hải quan để bảo đảm quản lý Nhà nước về Hải quan và không gây khó khăn cho hoạt động xuất nhập khẩu”.

b. Cơ sở pháp lý về quản lý rủi ro

Hệ thống văn bản pháp luật Hải quan làm cơ sở pháp lý cho việc thực hiện phương pháp quản lý rủi ro có thể được chia làm hai giai đoạn như sau:

* Luật Hải quan số 29/2001/QH10 và luật số 42/2005/QH11 (Giai đoạn từ năm 2006 đến 2014):

Để phù hợp với một số nội dung mới về công tác QLRR trong Luật Hải quan năm 2014 và Luật Quản lý thuế, cơ quan hải quan cần triển khai nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các nội dung liên quan đến QLRR và quản lý tuân thủ. Trong đó, các nội dung về tiêu chí QLRR phải được nâng cấp, xây dựng đầy đủ và đồng bộ bao hàm quản lý được tất cả các nghiệp vụ hải quan.

* Luật Hải quan số 54/2014/QH13 đến nay (Giai đoạn từ 2015 đến nay):

Các nội dung liên quan đến áp dụng QLRR xuất hiện rất nhiều ở các Điều của Luật Hải quan năm 2014 (13 Điều) trong đó toàn bộ Điều 17 qui định về phạm vi áp dụng QLRR, các biện pháp, kỹ thuật nghiệp vụ QLRR; khoản 2 Điều 16 qui định về nguyên tắc kiểm tra, giám sát Hải quan được thực hiện dựa trên cơ sở áp dụng QLRR nhằm đảm bảo hiệu lực, hiệu quả QLNN về Hải quan, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động XNK, XNC.

c. Phân cấp quản lý rủi ro Hải quan

Hệ thống tổ chức bộ máy quản lý rủi ro Hải quan với vai trò chủ trì thực hiện công tác thu thập, xử lý thông tin và phân tích, đánh giá rủi ro, tạo ra nền tảng thông tin nghiệp vụ để thống nhất định hướng hoạt động kiểm tra, giám sát, kiểm soát

theo rủi ro được xác định trong từng lĩnh vực Hải quan thể hiện qua ba cấp như sau:

*** Cấp Tổng Cục (cấp chiến lược):**

Cấp Tổng Cục đã phân định được nhiều lĩnh vực với các mức độ rủi ro khác nhau để có hành động can thiệp khi cần thiết. Do đó, Cấp Tổng Cục phải đảm bảo sự thống nhất trong toàn Ngành; Phối hợp với các cơ quan trao đổi thông tin với Hải quan các nước, Tổ chức Hải quan thế giới để xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin nghiệp vụ phục vụ QLRR.

*** Cấp Cục (cấp hoạch định triển khai):**

Là cơ quan trung gian trong phân cấp QLRR của Ngành, vì vậy, Cấp Cục hiện nay Giao Phòng Nghiệp vụ thuộc Cục Hải quan TP. Cần Thơ tham mưu Cục trưởng công tác QLRR tại Cục theo chức năng, quyền hạn và các quy định pháp luật hiện hành khác.

*** Cấp Chi cục (cấp chiến thuật):**

Tại các Chi cục Hải quan trực tiếp thực hiện quy trình TTHQ trực thuộc Cục, tổ chức một bộ phận từ 1 -2 người cán bộ chuyên trách QLRR (Chi cục trưởng trực tiếp chỉ đạo, điều hành) tùy theo khối lượng công việc của từng Chi cục, có hiểu biết và tiếp cận khá sâu sắc về QLRR; có khả năng nghiên cứu, xây dựng và phát triển công tác QLRR của ngành nói chung và Cục Hải quan TP. Cần Thơ nói riêng.

d. Nhận thức tầm quan trọng của phương pháp quản lý rủi ro

* Nhận thức của lãnh đạo và công chức Hải quan

Toàn thể công chức Cục Hải quan TP. Cần Thơ luôn nhận thức được tầm quan trọng của công tác QLRR từ đó nêu cao tinh thần trách nhiệm của mỗi cán bộ, công chức trong việc triển khai thực hiện.

Trong bối cảnh toàn cầu hoá, áp lực về sự gia tăng của khối lượng công việc và ứng phó với những thay đổi đột biến của kinh tế, chính trị thế giới đòi hỏi toàn ngành vừa phải không ngừng tìm kiếm các giải pháp tạo thuận lợi thương mại, đồng thời kiểm soát chặt chẽ đối tượng quản lý. QLRR cung cấp một phương pháp quản lý khoa học, qua việc xác định đối tượng có rủi ro cao, để ưu tiên tập trung nguồn lực vào quản lý đối với số đối tượng này, tránh sự dàn trải, từ đó giảm bớt áp lực công việc, tạo thuận lợi thương mại với kiểm soát chặt chẽ quá trình tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp.

* Nhận thức của cộng đồng doanh nghiệp

Cộng đồng doanh nghiệp luôn nhận thức về QLRR là nền tảng của việc tự động hóa Hải quan, góp phần giảm thiểu TTHQ, giảm sự can thiệp của công chức Hải quan vào hoạt động của đơn vị nhờ đó doanh nghiệp không bị lệ thuộc vào thủ tục hành chính, giảm chi phí phát sinh; đặc biệt loại trừ các điều kiện làm nảy sinh tiêu cực. QLRR tạo ra cơ chế cạnh tranh công bằng giữa các doanh nghiệp trên nền tảng tuân thủ pháp luật. Đối với các doanh nghiệp luôn chấp hành tốt các qui định luật pháp và có kim ngạch XNKcao xem xét lựa chọn tham gia chương trình doanh nghiệp ưu tiên, được Hải quan ủy quyền cho tự làm 1 số việc

và chế độ kiểm tra rất đơn giản, được hưởng lợi nhờ áp dụng thủ tục thông quan hàng hóa nhanh hơn.

Hiện nay việc áp dụng QLRR thông qua áp dụng kỹ thuật QLRR đã hỗ trợ và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp; doanh nghiệp trong cơ chế áp dụng QLRR cần tăng cường năng lực chấp hành pháp luật và hợp tác cung cấp, trao đổi thông tin với cơ quan Hải quan để góp phần xây dựng môi trường tuân thủ pháp luật.

3.2.2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

a. Về hành lang pháp lý

*** Những tồn tại, hạn chế**

Hiện nay ngành Hải quan có nhiệm vụ thực hiện kiểm tra, giám sát hàng hóa, phương tiện vận tải XNC, phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới. Tổ chức thực hiện pháp luật về thuế đối với hàng hóa XNK, kiến nghị chủ trương, biện pháp quản lý Nhà nước về Hải quan đối với hoạt động XNK, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh và chính sách thuế đối với hàng hóa XNK. Tuy nhiên, các văn bản hướng dẫn Luật còn nhiều chồng chéo, không thống nhất và thường xuyên thay đổi. Đối với các cơ quan thực thi pháp luật, các quy định của luật pháp càng chặt chẽ, rõ ràng thì càng có nhiều thuận lợi trong việc triển khai công việc quản lý.

*** Nguyên nhân**

Áp dụng QLRR làm thay đổi căn bản về mục tiêu cơ chế và chính sách áp dụng, ảnh hưởng một cách toàn diện đến các hoạt động có liên quan của các tổ chức,

cá nhân và các ngành chức năng. Những tác động này đặt ra yêu cầu cho việc xây dựng các hệ thống pháp luật và quy trình thủ tục Hải quan hoàn chỉnh. Những quy định này phải bảo đảm thống nhất, minh bạch, cơ sở đảm bảo thực thi tuân thủ pháp luật Hải quan.

b. Về bộ máy và cơ chế hoạt động Quản lý rủi ro

*** Một số hạn chế cụ thể**

- Việc sắp xếp cơ cấu tổ chức trong lĩnh vực QLRR chưa phù hợp. Một vài đơn vị chưa có sự quan tâm đúng mức về bố trí cán bộ, công chức cho lĩnh vực này. Thực tế thời gian qua tại cấp Cục, Chi cục vẫn còn tình trạng đào tạo không đúng đối tượng hoặc nhiều trường hợp cán bộ công chức sau khi được cử đi đào tạo các lớp chuyên sâu nhưng lại bố trí việc khác.

- Hiện tại đội ngũ chuyên trách về QLRR đã được trang bị kiến thức nghiệp vụ cơ bản về QLRR, tuy nhiên, nhìn chung vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu trong giai đoạn ngành Hải quan đang đẩy mạnh cải cách, hiện đại hóa.

*** Nguyên nhân**

- Công tác QLRR là lĩnh vực phức tạp, mang tính kỹ thuật phân tích, qua nhiều khâu, nhiều bộ phận trung gian nên có sự tiếp cận và nhận thức khác biệt. Vẫn còn một bộ phận cán bộ, công chức hải quan, đặc biệt là lãnh đạo chưa nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò và chức năng, nhiệm vụ của công tác QLRR, dẫn đến thiếu quan tâm trong việc chỉ đạo, kiểm tra, bố trí sắp xếp cán bộ, công chức thực hiện.

- Văn bản quy định thường xuyên thay đổi, nhưng một số công chức không tiếp

cận, cập nhật các quy định mới; không có tính cầu thị, học hỏi các kinh nghiệm từ đồng nghiệp, các đơn vị khác trong và ngoài ngành dẫn đến giải quyết công việc một cách cứng nhắc.

c. Về công tác thu thập, xử lý thông tin quản lý rủi ro

**** Những hạn chế còn tồn tại***

Công tác thu thập, xử lý thông tin đang bị phân tán, chồng chéo: hiện nay đang tồn tại 3 hệ thống dọc thực hiện nhiệm vụ chuyên trách về thu thập, xử lý thông tin (Lực lượng QLRR chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ thu thập, xử lý thông tin phục vụ QLRR; Lực lượng kiểm soát hải quan thực hiện thu thập, xử lý thông tin về buôn lậu, gian lận thương mại; Xử lý thông tin thuộc lực lượng kiểm tra sau thông quan thực hiện phân tích rủi ro để lựa chọn đối tượng kiểm tra sau thông quan); các biện pháp thực hiện thiếu tính chuyên sâu; thông tin thiếu sự liên thông, chia sẻ.

**** Nguyên nhân***

Tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động QLRR còn bị phân tán, chồng chéo; một số nhiệm vụ thu thập, xử lý thông tin chưa được phân công rõ ràng. Việc thu thập và phân tích thông tin thời gian qua có xem xét dựa trên hồ sơ doanh nghiệp, hồ sơ rủi ro nhưng phương pháp đánh giá có hệ thống, có tính phối hợp từng khâu nghiệp vụ chưa cao, do chưa có quy trình hướng dẫn cụ thể quyền và trách nhiệm từng khâu, từng bộ phận. Sự phối kết hợp giữa các bộ phận tại các đơn vị có lúc chưa được thường xuyên, chặt chẽ.

d. Về công tác đánh giá tuân thủ doanh nghiệp

**** Những tồn tại, hạn chế***

- Tiêu chí đánh giá tuân thủ, xếp hạng doanh nghiệp chưa sát với loại hình doanh nghiệp cũng như thực tế quản lý doanh nghiệp trên địa bàn. Công tác xây dựng, quản lý, ứng dụng hồ sơ doanh nghiệp, hồ sơ rủi ro còn mang tính hình thức; thông tin chưa được cập nhật đầy đủ, kịp thời.

- Gần đây, công tác đánh giá tuân thủ doanh nghiệp nhận được rất nhiều sự quan tâm từ Ngành hải quan cũng như doanh nghiệp. Tuy nhiên, hiện nay hoạt động theo dõi, đánh giá chấp hành pháp luật của doanh nghiệp mới được thực hiện qua bộ tiêu chí “cứng”, thiếu tính đầy đủ, khoa học; chủ yếu dựa vào thông tin trên hệ thống, hầu như chưa có sự tham gia của cán bộ công chức vào việc đánh giá này.

**** Nguyên nhân***

- Công tác tuyên truyền, giới thiệu cho các doanh nghiệp hiểu rõ về nội dung và cách thức cơ quan hải quan vận hành hệ thống QLRR và quản lý tuân thủ đối với doanh nghiệp XNK trong hoạt động hải quan đã được chú trọng nhưng vẫn chưa sâu rộng, chưa đáp ứng với yêu cầu thực tiễn. Bên cạnh đó, trình độ của doanh nghiệp không đồng đều nên cách tiếp cận và ý thức chấp hành còn nhiều chênh lệch.

- Cán bộ chuyên trách làm công tác QLRR tại các Chi cục, thời gian qua có sự thay đổi vị trí công tác, luân chuyển và do yêu cầu nhiệm vụ phải kiêm nhiệm

thêm công việc khác. Vì vậy, chưa dành hết thời gian và chuyên tâm làm công tác QLRR, từ đó hiệu quả chưa như mong muốn.

e. Về công tác đánh giá chất lượng, hiệu quả áp dụng quản lý rủi ro

**** Những tồn tại, hạn chế***

- Tiêu chí QLRR còn cứng nhắc, chủ yếu dựa trên chế độ chính sách và quy trình, quy định. Năng lực phân tích, đánh giá rủi ro còn hạn chế, tiêu chí phân tích được xây dựng và áp dụng nhiều nhưng tỷ lệ phát hiện vi phạm từ kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế hàng hóa chưa cao, chưa đạt được hiệu quả như mong muốn.

- Hiện nay, trong ngành hải quan đang tồn tại 05 hệ thống đơn vị (hệ thống dọc) chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động kiểm tra hải quan (QLRR, Giám sát quản lý, Thuế XNK, Điều tra chống buôn lậu và KTSTQ) dẫn đến tình trạng chồng chéo, thiếu tính thống nhất, gây ra sự trùng lặp, lúng túng trong thực hiện. Hoạt động kiểm tra hải quan chưa được điều phối dựa trên trục xuyên suốt đó là hệ thống QLRR.

**** Nguyên nhân***

- Việc thiết lập, áp dụng tiêu chí lựa chọn kiểm tra tại một số đơn vị chưa đúng trọng tâm, trọng điểm. Cơ chế phối hợp giữa các cấp, đơn vị trong và ngoài ngành còn lỏng lẻo, thiếu sự hợp tác, chia sẻ thông tin dẫn đến thông tin không đầy đủ, chất lượng chưa đảm bảo cho việc xác định và ngăn chặn rủi ro; cộng đồng doanh nghiệp chưa hiểu được quyền lợi từ việc cung cấp thông tin cho cơ quan hải quan...

- Kinh nghiệm và trách nhiệm của bộ phận kiểm tra thực tế hàng hoá quyết định rất nhiều đến kết quả kiểm tra, hiệu quả phân tích thông tin của các tờ khai, lô hàng được hệ thống xác định kiểm tra.

f. Về công tác ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ quản lý rủi ro

**** Những tồn tại, hạn chế***

Phân tích thông tin, phân luồng rủi ro hoạt động chủ yếu dựa vào hệ thống CNTT. Đó có thể được coi là công cụ chiến lược khi triển khai phương pháp quản lý mới. Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông tiên tiến sẽ hợp lý hoá một cách triệt để các hoạt động nghiệp vụ thông qua đơn giản hoá TTHQ điện tử, tăng mức độ minh bạch, khách quan, loại bỏ những cơ hội lạm dụng trái phép quyền hạn chính thức, đảm bảo áp dụng nghiêm các quy trình thủ tục điện tử chuẩn mực đã được quốc tế công nhận.

**** Nguyên nhân***

Do quá trình thực hiện quản lý nhiều năm trước đây của Hải quan Việt Nam chú trọng đến kiểm soát trực tiếp và còn thực hiện bằng phương pháp thủ công nên hệ thống thông tin cũng không được chú trọng thu thập, xử lý và lưu giữ một cách hệ thống nên khi triển khai QLRR ngành hải quan phải xây dựng hệ thống thông tin phục vụ QLRR ngay từ những khâu đầu tiên nên không thể đồng bộ và đầy đủ ngay được; sự đầu tư xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng cho công tác QLRR chưa ngang tầm sự phát triển của tiến trình cải cách, hiện đại hóa.

4. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHƯƠNG PHÁP QLRR TRONG THỦ TỤC HẢI QUAN

4.1. Hoàn thiện cơ sở pháp lý

Cục Hải quan TP Cần Thơ thường xuyên rà soát lại quy trình TTHQ, hệ thống văn bản pháp lý có liên quan đối với hàng hóa XNK nói chung và hàng GCXK nói riêng để đề xuất các cơ quan có thẩm quyền sửa đổi theo hướng đơn giản, hài hoà và thống nhất theo các chuẩn mực và thông lệ quốc tế. Đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện những điểm không còn phù hợp, bất cập, còn thiếu tại các quy trình, biểu mẫu hiện hành gây khó khăn cho công tác quản lý hải quan, tạo kẽ hở trong hành lang pháp lý.

4.2. Tăng cường đào tạo về nguồn nhân lực

4.2.1. Cải cách bộ máy quản lý Hải quan phù hợp với yêu cầu quản lý rủi ro trong thời kỳ mới

Rà soát lại tổ chức bộ máy các đơn vị thuộc và trực thuộc Cục để thực hiện hoặc kiến nghị điều chỉnh, sắp xếp hoặc thành lập mới cho phù hợp với quy trình nghiệp vụ và yêu cầu nhiệm vụ mới tránh sự chồng chéo, vướng mắc về chức năng, nhiệm vụ phù hợp với chủ trương gọn nhẹ và nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức bộ máy.

4.2.2. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức chuyên trách làm công tác quản lý rủi ro

Áp dụng QLRR vào quy trình TTHQ không có nghĩa là tự động hóa, không cần cán bộ tác nghiệp. Ngược lại, công tác

này đòi hỏi một đội ngũ công chức Hải quan có trình độ chuyên môn cao hơn, có kiến thức sâu rộng và phương pháp làm việc hiệu quả hơn. Chính vì vậy cần tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về QLRR nhất là đào tạo chuyên sâu về các nghiệp vụ QLRR như: xây dựng tiêu chí, đánh giá tuân thủ doanh nghiệp, phân tích thông tin hồ sơ rủi ro, hồ sơ doanh nghiệp.

4.3. Nâng cao hiệu quả thực hiện các biện pháp, kỹ thuật QLRR

4.3.1. Về thu thập thông tin hồ sơ và đánh giá tuân thủ, xếp hạng doanh nghiệp

Thường xuyên kiện toàn lại công tác quản lý tuân thủ của doanh nghiệp tại các Chi cục thông quan, chú trọng công tác thu thập thông tin, xây dựng danh sách doanh nghiệp trọng điểm. Thu thập, cập nhật hồ sơ doanh nghiệp khẩn trương, đầy đủ cả về tiêu chí và số lượng, cập nhật thông tin kịp thời, đảm bảo phục vụ công tác đánh giá tuân thủ và xếp hạng doanh nghiệp.

4.3.2. Về công tác xây dựng và quản lý tiêu chí QLRR

Nâng cao hiệu quả công tác xây dựng và quản lý tiêu chí QLRR, nhất là tiêu chí phân tích nhằm phát hiện vi phạm trong hoạt động nghiệp vụ Hải quan và tiêu chí lựa chọn kiểm tra đối với doanh nghiệp gia công để xác định đúng đối tượng trọng điểm cần kiểm tra.

Xây dựng, áp dụng tiêu chí kịp thời, đầy đủ, chính xác theo văn bản chỉ đạo của Bộ, Tổng cục Hải quan và Cục; xây dựng tiêu chí với mức độ, mục đích kiểm

tra, kiểm soát phù hợp đối với các mặt hàng và doanh nghiệp trọng điểm trên địa bàn quản lý của Cục Hải quan TP Cần Thơ.

4.3.3. Nâng cao chất lượng, hiệu quả phân luồng kiểm tra Hải quan

Tập trung triển khai QLRR theo định hướng đánh giá, phân loại tuân thủ doanh nghiệp theo các tiêu chí về loại hình DN, kim ngạch; việc phân luồng kiểm tra sẽ được kết hợp giữa hàng hóa XNK với phân loại tuân thủ DN; trong đó ưu tiên miễn kiểm tra trong thông quan đối với các DN tuân thủ tốt (PLHQ); việc kiểm tra trong thông quan sẽ được thực hiện với các doanh nghiệp nhỏ, mới thành lập và các mặt hàng cấm XNK, hàng hóa nhập khẩu độc hại, phải kiểm dịch, kiểm tra chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm.

4.4. Tăng cường hiện đại hóa công nghệ thông tin ngành Hải quan

Tăng cường ứng dụng CNTT trong ngành Hải quan là động lực quan trọng để cải cách, hiện đại hóa. Nhờ những thành tựu của ứng dụng CNTT, ngành Hải quan đã đạt được rất nhiều mục tiêu đề ra trong Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2020. Việc đưa các hệ thống CNTT phục vụ tự động hóa thông quan hàng hóa, triển khai thanh toán điện tử, kết nối Cơ chế một cửa quốc gia và triển khai CNTT trên tất cả các lĩnh vực khác của ngành Hải quan đã đem lại hiệu quả tích cực.

4.4.1. Đầu tư cơ sở vật chất cần thiết cho quản lý rủi ro

Xây dựng, nâng cấp hệ thống trang thiết bị máy tính và các thiết bị phụ trợ có khả năng tiếp nhận và xử lý giao dịch điện tử; hệ thống mạng có khả năng chuyển tin hiệu kết nối với trung tâm tự động hoá của Tổng cục Hải quan, kết nối giữa Cục Hải quan tỉnh với ngân hàng (công thu NSNN 24/7), kho bạc, hãng vận chuyển, cảng vụ để thực hiện các giao dịch xác nhận việc nộp thuế, giám sát kho hàng... Triển khai áp dụng các chương trình phần mềm mới do TCHQ xây dựng phù hợp với hệ thống quy trình thủ tục Hải quan.

4.4.2. Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý rủi ro

Trong công tác QLRR thì hệ thống cơ sở dữ liệu đóng vai trò quan trọng. Với một hệ thống cơ sở dữ liệu đầy đủ, kịp thời, được mã hóa quản lý hiện đại sẽ là yếu tố cần cho việc thực hiện phân tích, đánh giá rủi ro chính xác, hiệu quả. Công tác QLRR tạo cơ sở nền tảng cho các hoạt động nghiệp vụ hải quan, đồng thời để nâng cao hiệu quả của công tác này, cần sự phối hợp chặt chẽ từ các đơn vị trong và ngoài ngành và sự tham gia của từng công chức hải quan trong việc thu thập, cung cấp thông tin.

4.5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát

4.5.1. Tăng cường kiểm tra giám sát đối với các đối tượng (mặt hàng, doanh nghiệp) trọng điểm

Thực hiện đúng quy trình, thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát các lô hàng có mặt

hàng trọng điểm hoặc các lô hàng của các doanh nghiệp trọng điểm. Trong đó, lưu ý kiểm tra kỹ theo các chỉ dẫn rủi ro, kiểm tra giấy phép của cơ quan quản lý chuyên ngành, hóa đơn, chứng từ, tránh để các đối tượng lợi dụng hoạt động thương mại để thực hiện hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, gian lận.

4.5.2. Tăng cường kiểm tra giám sát đối với CBCC thực thi

Bên cạnh việc tăng cường kiểm tra giám sát đối với các đối tượng rủi ro thì việc tăng cường kiểm tra giám sát trong nội bộ cơ quan Hải quan cũng là một công tác quan trọng, cần được thực hiện thường xuyên, đặc biệt phát huy vai trò của cán bộ lãnh đạo. Việc lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra hoạt động xây dựng, quản lý, áp dụng QLRR phải được thực hiện cả về nhận thức lẫn công việc.

5. KẾT LUẬN

Hiện nay việc áp dụng QLRR trong TTHQ đối với hàng GCXK là một nội dung đang được ngành Hải quan hết sức quan tâm và các “Tiêu chí lựa chọn kiểm tra trong quản lý hoạt động gia công” vừa được Bộ Tài chính bổ sung vào Bộ tiêu chí QLRR trong hoạt động nghiệp vụ của ngành Hải quan để phù hợp với các quy định mới tại Luật Hải quan 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trước yêu cầu mới trong công tác quản lý hàng GCXK, đặc biệt chú trọng công tác thu thập thông tin hồ sơ DN; đánh giá tuân thủ, xếp hạng rủi ro doanh nghiệp; tiêu chí lựa chọn kiểm tra đối với doanh nghiệp GC và thực hiện kiểm tra doanh nghiệp GC dựa trên QLRR. Áp dụng

phương pháp QLRR trong TTHQ đối với hàng GCXK tại Cục Hải quan TP. Cần Thơ vào phân tích thực tế tại Cục Hải quan TP. Cần Thơ trong những năm gần đây, đánh giá những kết quả đạt được, một số hạn chế, đồng thời xác định được nguyên nhân của các hạn chế rủi ro đối với nhóm doanh nghiệp tuân thủ và nhóm doanh nghiệp không tuân thủ khi thực hiện TTHQ đối với hàng GCXK tại Cục Hải quan TP. Cần Thơ và từ đó làm cơ sở đề xuất năm giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng quản lý rủi ro cho Cục Hải quan TP. Cần Thơ

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính, 2013. Quyết định số 3129/QĐ-BTC ngày 16/12/2013: Tài liệu bồi dưỡng ngạch Kiểm tra viên Hải quan. Trường Hải quan Việt Nam.
2. Bộ Tài chính, 2015. Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015: Quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, Bộ Tài chính.
3. Bộ Tài chính, 2015. Quyết định số 464/QĐ-BTC ngày 29/6/2015: Quy định áp dụng QLRR trong hoạt động nghiệp vụ Hải quan, Bộ Tài chính.
4. Bộ Tài chính, 2015. Quyết định số 465/QĐ-BTC ngày 29/6/2015: Ban hành Bộ tiêu chí QLRR trong hoạt động nghiệp vụ Hải quan, Bộ Tài chính.
5. Bộ Tài chính, 2018. Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018: sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về Thủ tục

Hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế XK, thuế NK và quản lý thuế đối với hàng hóa XK, NK, Bộ Tài chính.

6. Chính phủ, 2013. Nghị định số 83/32013/NĐ-CP ngày 22/7/2013: Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế, Chính phủ.

7. Chính phủ, 2015. Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015: Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về TTHQ, kiểm tra, giám sát, kiểm soát Hải quan, Chính phủ.

8. Chính phủ, 2018. Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về TTHQ, kiểm tra, giám sát, kiểm soát Hải quan, Chính phủ.

9. Cục Hải quan TP. Cần Thơ, 2015-2018: Báo cáo tổng kết năm 2015, 2016, 2017 và 2018. Cục Hải quan TP. Cần Thơ.

10. Quốc Hội, 2014. Luật Hải quan 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014, Quốc Hội.

11. Tổng cục Hải quan, 2013. Quyết định 3451/QĐ-TCHQ ngày 22/10/2013: Tài liệu tập huấn nghiệp vụ Quản lý rủi ro về Hải quan. Trường Hải quan Việt Nam.

12. Tổng cục Hải quan, 2015. Tài liệu: Hội thảo nâng cao năng lực tuân thủ PLHQ với cộng đồng doanh nghiệp Nhật Bản ngày 18/9/2015, Tổng cục Hải quan.

13. Nguyễn Thị An Giang, 2012. Kinh nghiệm áp dụng QLRR của Hải quan Trung Quốc. www.baohaiquan.vn.

15. Quang Hùng, 2014, Kiện toàn lực lượng QLRR: yêu cầu cấp bách. www.customs.gov.vn, ngày 21/9/2014.

16. Nguyễn Thị Phương Huyền, 2008. QLRR trong kiểm tra Hải quan: những vấn đề cơ bản, Nghiên cứu Tài chính kế toán, trang 12.

17. Nguyễn Thị Phương Huyền, Bùi Thái Quang, 2015. Bàn về tiêu chí QLRR trong quản lý Hải quan hiện đại. www.customs.gov.vn, ngày 28/5/2015, mục Tin tức & sự kiện.

18. Bùi Thái Quang, 2013. Hải quan áp dụng QLRR: bốn lợi ích cho doanh nghiệp, thoibaotaichinhvietnam.vn, số ngày 14/11/2013, mục Thuế với cuộc sống.

RISK MANAGEMENT IN CUSTOMS PROCEDURES FOR EXPORT MANUFACTURED GOODS AT CAN THO CUSTOMS DEPARTMENT

Nguyen Ngoc Minh¹ and Le Thi Kieu Loan²

¹Tay Do University, ²Can Tho Customs Department
(Email: loanhqct@gmail.com)

ABSTRACT

The aim of this study was to evaluate the present situation of applying risk management in customs procedures and suggestion solutions to improve the procedures of risk management for export manufactured goods at Can Tho Customs Department. Analyzing and comparing differences in risk management were carried out for compliance groups and non-compliance groups. Currently, the Customs sector have applied legal documents such as: the revised and supplemented Customs Law effective from January 1, 2015, Decree No. 08/2015 / ND-CP dated January 21, 2015 of the Government, Decree No. 59/2018 / ND-CP dated April 20, 2018 of the Government, Circular No. 38/2015 / TT-BTC dated March 25, 2015 of the Ministry of Finance, Circular No. 39/2018 / TT-BTC dated April 20, 2018 of the Ministry of Finance and Decision No. 1966 / QD-TCHQ dated July 10, 2015 of the General Department of Customs issued detailed regulations on procedures Customs, Customs supervision and control. Five solutions were proposed to improve the risk management procedure for export manufactured goods at Can Tho Customs Department.

Keywords: *Can Tho Customs Department, export manufactured, risk management, goods.*